

Bản án số: 20 /2021/HNGĐ- ST  
Ngày 24/02/2021  
“Về việc ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG**  
***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tạ Hồng Chiến

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Sơn Hải  
2. Bà Hoàng Thị Oanh

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2020/TLST- HNGĐ, ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2021; quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐST- HNGĐ, ngày 01/02/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H. sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn D, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc

*(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)*

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn M. sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang

*(Vắng mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị H. và anh Nguyễn Văn M. kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 07/12/2010. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống và làm việc tại xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu

thuần, nguyên nhân theo chị H. trình bày là do tính tình không hợp nhau trong cuộc sống và trong việc làm ăn kinh tế, anh M. không có trách nhiệm gì với vợ con và gia đình dẫn đến thường xuyên xảy ra xô xát, cãi chửi nhau. Năm 2017 chị H. trở về nhà ngoại ở xã L, huyện L. tỉnh Vĩnh Phúc sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, tháng 10/2020 chị H. có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Chị Nguyễn Thị H. xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân đã lâu. Chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

*Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thanh T. sinh ngày 01/6/2012, cháu hiện đang ở với Chị Nguyễn Thị H. Nếu ly hôn chị H. nhận nuôi cháu T. và không yêu cầu anh M. có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản, đất đai, công nợ chung:* Chị Nguyễn Thị H. xác định không có, không đề nghị giải quyết.

*Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện:* Anh Nguyễn Văn M. có hộ khẩu thường trú tại Thôn Đ, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Anh M. và Chị Nguyễn Thị H. kết hôn với nhau vào năm 2010. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị thường phát sinh mâu thuẫn, có cãi nhau, vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Anh M. là lao động tự do, nghề nghiệp và thu nhập không ổn định, thường vắng mặt tại địa phương, không biết làm gì ở đâu.

\* Do bị đơn anh Nguyễn Văn M. không có mặt ở địa phương nên Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương không triệu tập được anh Nguyễn Văn M. đến trụ sở Tòa án để lấy lời khai, tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được.

*Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn khi tham gia tố tụng đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng đối với bị đơn không chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị H. và anh Nguyễn Văn M. kết hôn vào năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện S là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng bình thường sau phát sinh mâu thuẫn, anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Do vậy, Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX xử cho Chị Nguyễn Thị H. được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.; về con chung: Do anh M. không có mặt ở địa phương nên đề nghị giao cháu Nguyễn Thanh T. sinh ngày 01/6/2012 cho chị H. trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; về tài sản, đất đai, công nợ chung: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên không đề cập xử lý. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện Chị Nguyễn Thị H. đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn M. giao cháu Nguyễn Thanh T. cho chị H. nuôi dưỡng và không đề nghị giải quyết về tài sản, công nợ chung. Do vậy quan hệ pháp luật ở đây được xác định là “*Ly hôn và giao nuôi con chung khi ly hôn*”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về việc tham gia tố tụng của các đương sự:

Bị đơn anh Nguyễn Văn M. có hộ khẩu thường trú tại Thôn Đ, xã H, huyện S, hiện anh M. đi làm ăn xa không có mặt ở địa phương. Như vậy, anh M. đã thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho cơ quan có thẩm quyền cũng như chị H. biết. Đây được xác định thuộc trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định tại các Điều 26, 35, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H. và anh Nguyễn Văn M. kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, từ năm 2017 đến nay vợ chồng sống ly thân. Tháng 10/2020 chị H. có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hân.

Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: Quá trình chung sống vợ chồng Chị Nguyễn Thị H. và anh Nguyễn Văn M. thường phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay.

Như vậy, cuộc sống hôn nhân của Chị Nguyễn Thị H. và anh Nguyễn Văn M. có hạnh phúc thời gian đầu, sau phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn đã đến mức làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng hiện sống ly thân. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở chấp nhận xử cho Chị Nguyễn Thị H. được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị H. và anh Nguyễn Văn M. có 01 con chung là cháu Nguyễn Thanh T. sinh ngày 01/6/2012. Cháu T. hiện đang ở với chị H.

Quá trình giải quyết cháu T. có nguyện vọng được ở với chị H. hiện tại anh Nguyễn Văn M. không có mặt ở địa phương. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu cần chấp nhận yêu cầu của các đương sự giao cháu Nguyễn Thanh T. cho Chị Nguyễn Thị H. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Do hiện tại anh M. không có mặt ở địa phương, chị H. không có yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét đến vấn đề cấp dưỡng. Anh M. không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị H. xác định không có, không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

[5]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 271, 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

#### ***Tuyên xử:***

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Nguyễn Thị H. được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh T. sinh ngày 01/6/2012 cho Chị Nguyễn Thị H. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Nguyễn Văn M. không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí LHST: Chị Nguyễn Thị H. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003610 ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Dương. Chị H. đã nộp đủ án phí của vụ án.

Anh Nguyễn Văn M. không phải nộp án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị H. anh M. được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Sơn Hải - Hoàng Thị Oanh**

**Tạ Hồng Chiến**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã Hợp Thành;
- UBND xã L, huyện L.;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tạ Hồng Chiến**